TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 25/2025/HC-PT
Ngày: 13/8/2025
V/v *"Khiếu kiện Quyết định hành chính về quản lý đất đai"*.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Yên

Các Thẩm phán: Ông Vũ Ngọc Huynh

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 1029/2024/TLPT-HC ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc *"Khiếu kiện Quyết định hành chính* về *quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2024/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 241/2025/QĐXXPT-HC ngày 24 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

***- Người khởi kiện*:** bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963; địa chỉ: số E, ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long), (có mặt).

Đại diện theo ủy quyền: ông Cao Vĩnh P1, sinh năm 1964; địa chỉ: số E, ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long), (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: ông Nguyễn Công H và ông Nguyễn Tryền T thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (nay là tỉnh Vĩnh Long); địa chỉ: số C, N, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là phường T, tỉnh Vĩnh Long), (ông H xin vắng mặt, ông T có mặt).

***- Người bị kiện*:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V), (vắng mặt)

Địa chỉ: số H đường V, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường L, tỉnh Vĩnh Long).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Vĩnh Long).

Địa chỉ: D Đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

3. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H1, chức vụ: Phó Chủ tịch, (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Bé C, chức vụ: Chuyên viên Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô T1, (có mặt).

Địa chỉ: D Đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

1. Ông Cao Vĩnh P1, sinh năm 1964; địa chỉ: số E, ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long), (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: bà Phạm Thị Thiên N1, sinh năm 1964; địa chỉ thường trú: khóm H, Phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là phường N, tỉnh Vĩnh Long); nơi ở: số C N, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là phường T, tỉnh Trà Vinh), (có mặt).

2. Ông Cao Nguyễn Trường D, sinh năm 1992; địa chỉ: 1, ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long), (xin vắng mặt).

3. Bà Cao Nguyễn Thúy D1, sinh năm 1993; địa chỉ: số E ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long), (xin vắng mặt).

***- Người kháng cáo*:** Người khởi kiện - bà Nguyễn Thị P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Cao Nguyễn Thúy D1, ông Cao Vĩnh P1 và ông Cao Nguyễn Trường D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo tóm tắt tại bản án sơ thẩm và trình bày của người khởi kiện có nội dung như sau:*

Vào năm 2012, bà Nguyễn Thị P được cha ruột là ông Nguyễn Văn B tặng cho thửa đất số 201, tờ bản đồ số 55, diện tích 648,6 m², đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Đến năm 2014, vợ chồng bà Nguyễn Thị P và ông Cao Vĩnh P1 có cất nhà tạm cho con trai là Cao Nguyễn Trường D để ở

nhằm thuận tiện cho việc đi học và đi làm sau này, và D đã ở trên phần đất này từ thời điểm năm 2014 cho đến nay để quản lý cây trồng trên đất và chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình.

Năm 2021, khi Nhà nước có chủ trương thu hồi toàn bộ thửa đất này để xây dựng Doanh trại đơn vị Cảnh sát cơ động, gia đình ông bà đồng thuận chủ trương và chấp hành. Tuy nhiên, khi Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thì gia đình ông bà không đồng ý vì giá đất mà Ủy ban nhân dân thành phố B quyết định bồi thường cho gia đình là quá thấp chỉ có 741.000 đồng/m², con ông bà không thể mua được mảnh đất nào để trang trải cuộc sống (Giá thị trường là 1.600.000 đồng/m²) cách đất ông bà khoảng trên 15 mét không thể hiện lối đi như đất của ông bà. Đồng thời, đất bị thu hồi trắng gia đình không còn chỗ ở nào trên Thành phố B nhưng gia đình ông bà không được hưởng chính sách hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi toàn bộ phần diện tích đất này. Ông bà có khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố B và Ủy ban nhân dân tỉnh B yêu cầu xem xét bồi thường theo giá thị trường và hưởng chính sách hỗ trợ tái định cư theo quy định, nhưng các cơ quan này không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông bà. Sau đó, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định cưỡng chế đối với ông bà trong khi ông bà đang thực hiện thủ tục khởi kiện và được Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết vào ngày 19/12/2023 thì cũng trong ngày này đoàn cưỡng chế đã thực hiện quyết định cưỡng chế đối với gia đình mà không chờ kết quả giải quyết của Tòa án. Nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số: 4033/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường thiệt hại, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị P, địa chỉ thường trú: 126/4 ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre để thực hiện dự án Doanh trại đơn vị Cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh B của Ủy ban nhân dân thành phố B.

Yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số: 973/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị P, địa chỉ số E ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

Yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số: 1369/QD-UBND ngày 28/6/2023 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với bà Nguyễn Thị P của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số: 3223/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

Tại Công văn số: 145/UBND-NC ngày 12/01/2024 và Công văn số: 146/UBND-NC ngày 12/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố B, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày như

sau:

Đối với ý kiến của người khởi kiện, yêu cầu hủy Quyết định số 4033/QĐ- UBND ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Nguyễn Thị P để thực hiện dự án Doanh trại đơn vị cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh B:

Căn cứ Quyết định số 9115/QĐ-BCA-H01 ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Bộ C1 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Doanh trại đơn vị Cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh B;

Ngày 16 tháng 12 năm 2020 Công an tỉnh B có Biên bản số 79/BB- CAT về việc lấy ý kiến thu hồi đất, thực hiện dự án Doanh trại đơn vị cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh B. Tại cuộc họp có 11/11 hộ tham dự và đồng ý chủ trương thực hiện dự án.

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh B về danh mục các dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2021.

Căn cứ Quyết định 325/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố phối hợp Ủy ban nhân dân xã P và chủ sử dụng đất tiến hành kiểm đếm tài sản trên đất của các hộ trong vùng dự án.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Kế hoạch số 1095/KH-UBND về việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Doanh trại đơn vị cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh B.

Ngày 05 tháng 4 năm 2021, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Thông báo số 1166/TB-UBND về việc thông báo thu hồi thửa đất số 201 tờ bản đồ số 55 do bà Nguyễn Thị P đang sử dụng để thực hiện dự án Doanh trại đơn vị cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh B.

Căn cứ các quy định hiện hành, Trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện quy trình do đạc đất đai, kiểm đếm tài sản bị thiệt hại của các hộ dân và Thuê đơn vị tư vấn (Công ty TNHH T3) để thực hiện khảo sát giá đất trên thị trường, lập phương án giá bồi thường về đất, hệ số điều chỉnh giá bồi thường về đất thông qua Hội đồng thẩm định tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để tính tiền bồi thường về đất cho các hộ dân trong vùng dự án.

Ngày 01 tháng 5 năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Công văn số 2566/UBND-TCĐC về việc phê duyệt Phương án giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất, để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Doanh trại

đơn vị cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh B.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P và các ngành công khai phương án dự thảo về bồi thường hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án Doanh trại đơn vị cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh B và niêm yết công khai đến hết ngày 06 tháng 6 năm 2022.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P và các ngành chức năng tổ chức đối thoại các hộ dân theo nội dung kiến nghị của các hộ.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành các Quyết định số 4019/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do bà Nguyễn Thị P đang sử dụng để thực hiện dự án Doanh trại đơn vị cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh B.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 4033/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Nguyễn Thị P để thực hiện dự án Doanh trại đơn vị cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh B.

Vậy, việc Ủy ban nhân dân thành phố B tiến hành thu hồi đất của bà Nguyễn Thị P được thực hiện đúng theo Điều 61, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, việc bà Nguyễn Thị P yêu cầu hủy Quyết định số 4033/QĐ- UBND ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Nguyễn Thị P để thực hiện dự án Doanh trại đơn vị cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh B là không có cơ sở.

Đến nay, bà Nguyễn Thị P chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Đối với ý kiến của người khởi kiện, yêu cầu hủy Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị P, địa chỉ số E, ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre:

Về thẩm quyền ban hành: Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2021.

Về nội dung: Xét thấy nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị P là không có cơ sở giải quyết nên ngày 06 tháng 4 năm 2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 973/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị P địa chỉ số E, ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre là đúng quy định.

Về trình tự thủ tục: Việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị P được Uỷ ban nhân dân thành phố thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định.

Về hình thức, thời hạn thời hiệu: đúng quy định.

Do đó, việc bà Nguyễn Thị P yêu cầu huỷ Quyết định số 973/QĐ- UBND ngày 06 tháng 4 năm 2022 là không có cơ sở.

Đối với ý kiến của người khởi kiện, yêu cầu hủy Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị P:

Do bà Nguyễn Thị P không chấp hành Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi đất do bà Nguyễn Thị P đang sử dụng để thực hiện dự án Doanh trại đơn vị cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh B. Ngày 04 tháng 10 năm 2023, Ủy ban nhân dân thành phố B đã ban hành Quyết định số 3223/QĐ-UBND về việc thực hiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất của bà Nguyễn Thị P.

Ngày 23 tháng 10 năm 2023, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Kế hoạch số 4128/KH-UBND về việc tổ chức cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất tại xã P, thành phố B của bà Nguyễn Thị P, địa chỉ thường trú 126/4 ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre để thực hiện Dự án Doanh trại đơn vị cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh B.

Ngày 08 tháng 11 năm 2023, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 3391/QĐ-UBND về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị P.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, Ban thực hiện cưỡng chế ban hành Phương án số 4744/PA-BTHCCTHĐ về việc thực hiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất của bà Nguyễn Thị P, địa chỉ thường trú tại số A ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, Ban thực hiện cưỡng chế ban hành Thông báo số 5080/TB-BTHCCTHĐ vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 19 tháng 12 năm 2023, Ban cưỡng chế thu hồi đất tiến hành cưỡng chế thu hồi đất của bà Nguyễn Thị P để thực hiện dự án Doanh trại đơn vị cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh B.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, Đoàn cưỡng chế thực hiện Quyết định cưỡng chế thu hồi đất tiến hành thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị P tại thửa đất số 201, tờ bản đồ 55 xã P, thành phố B và đã bàn giao đất cho chủ đầu tư thực hiện dự án.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 3223/QĐ - UBND về việc Cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị P là đúng theo quy định của pháp luật.

Tại Công văn số: 114/UBND-NC ngày 08/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày như sau:

Căn cứ Quyết định số 9115/QĐ-BCA-H01 ngày 29/10/2020 của Bộ C1 về

phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Doanh trại đơn vị Cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh B, ngày 25/8/2022 Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 4019/QĐ-UBND thu hồi diện tích 648,6 m² đất cây lâu năm, thửa số 201, tờ bản đồ số 55, xã P của bà Nguyễn Thị P để thực hiện dự án Doanh trại đơn vị Cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh B và Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 về việc phê duyệt phương án về bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị P để thực hiện dự án Doanh trại đơn vị Cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh B; theo đó tổng số tiền bà Nguyễn Thị P được bồi thường, hỗ trợ là 661.806.000 đồng (sáu trăm sáu mươi mốt triệu tám trăm lẻ sáu ngàn đồng), cụ thể:

Bồi thường về đất đối với diện tích 648,6 m^2 đất CLN, vị trí: từ 0 đến 85m (không có vị trí tiếp giáp đường và không cùng chủ sử dụng với thửa đất có vị trí tiếp giáp đường); đơn giá là 137.600 đồng/m²; hệ số điều chỉnh là 5,39; giá bồi thường là 741.000 đồng/m^2; với số tiền là 480.612.600 đồng.

Bồi thường cây trồng: Số tiền là 20.900.000 đồng; gồm: 12 cây dừa x 1.650.000 đồng = 19.800.000 đồng; 100m^2 đất trồng cỏ chăn nuôi x 11.000 đồng = 1.100.000 đồng.

Bồi thường công trình phụ, vật kiến trúc nuôi gà: Số tiền là 10.222.000 đồng (chuồng thứ 1: 32,18 m^2 x 278.000 đồng = 8.946.040 đồng; chuồng thứ 2: 7,05 m² x 181.000 đồng =1.276.050 đồng)

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm đối với diện tích 648,6m² đơn giá là 137.600 đồng; hệ số điều chỉnh là 1,50; đơn giá hỗ trợ là 206.400 đồng/m^2; tổng số tiền được hỗ trợ là 133.871.000 đồng.

Hỗ trợ ổn định đời sống cho 03 nhân khẩu: Số tiền là 16.200.000 đồng.

Bả Nguyễn Thị P không đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nên có khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B đối với Quyết định 4033/QĐ-UBND ngày 25/8/2022, đồng thời yêu cầu nâng giá bồi thường về đất với số tiền 1.500.000 đồng/m²; hỗ trợ một nền tải định cư cho Bà với lý do: Trên phần đất bị thu hồi đã có cất nhà tạm để nuôi gà và con trai của bà là ông Cao Nguyễn Trường D đã ở đó từ năm 2014.

Ngày 06/4/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 973/QĐ-UBND, nội dung không công nhận đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị P.

Không đồng ý với nội dung Quyết định số 973/QĐ-UBND, bà Nguyễn Thị P gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (nội dung như nêu trên).

Ngày 28/6/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 1369/QĐ-UBND, nội dung không công nhận khiếu nại của bà Nguyễn Thị P; công nhận và giữ nguyên Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố B.

Tóm lại: Thực hiện chủ trương đầu tư dự án Doanh trại đơn vị Cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh B, ngày 25/8/2022 Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 4033/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án về bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị P; theo phương án, bà Nguyễn Thị P được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền là 661.806.000 đồng, trong đó bồi thường về đất với số tiền là 480.612.600 đồng (như đơn giá nêu trên) là đúng theo quy định của pháp luật và Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020-2024; Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020-2024 và Công văn số 2566/UBND-TCĐT ngày 01/5/2022 về việc phê duyệt phương án giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Doanh trại đơn vị Cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh B.

Căn cứ Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre và Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre; do đó trường hợp bà Nguyễn Thị P không đủ điều kiện được bố trí tái định cư (bà Nguyễn Thị P không có nhà ở và hộ khẩu thường trú trên phần đất bị thu hồi).

Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B, giải quyết không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị P (đối với việc yêu cầu nâng giá bồi thường về đất và hỗ trợ một nền tái định cư) là phù hợp pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 28/12/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Vĩnh P1 thống nhất nội dung trình bày như đơn khởi kiện và phần trình bày của người khởi kiện bà Nguyễn Thị P.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 28/12/2023 và đơn xin vắng mặt ngày 28/12/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Nguyễn Trường D trình bày:

Thống nhất với phần trình bày của bà P và ông P1. Ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết vắng mặt ông trong tất cả quá trình tố tụng tại Tòa án do bận công việc gia đình.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 28/12/2023 và đơn xin vắng mặt ngày 28/12/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Nguyễn Thúy D1 trình

bày:

Thống nhất với phần trình bày của bà P và ông P1. Bà yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết vắng mặt trong tất cả quá trình tố tụng tại Tòa án do bận công việc gia dinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Vĩnh P1 trình bày quan điểm bảo vệ:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P vì các lý do sau: Con bà P trên thực tế sinh sống trên phần đất có căn nhà do bà P2 xây dựng để ở. Giá đất bồi thường 741.000 đồng/m² là thấp, khoảng 50% so với giá thị trường, gây thiệt hại cho quyền lợi của bà P. Phía người bị kiện không đưa ra được cơ sở giải thích căn cứ xác định giá thị trường là 741.000 đồng/m². Căn cứ Quyết định số 29/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư...khi Nhà nước thu hồi đất thì bà P có nhà trên đất nên phải được cấp một suất tái định cư. Thấy rằng theo quy định pháp luật thì chỉ quy định là nhà ở chứ không quy định nhà ở phải có điều kiện cụ thể nào. Quá trình giải quyết khiếu nại chưa xác minh làm rõ giá đất theo giá thị trường.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2024/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long) đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính.

Áp dụng Điều 62, khoản 2 Điều 66, Điều 69, khoản 2 Điều 71, khoản 2 Điều 74, Điều 112, điểm d khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013, Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở; khoản 1 Điều 7 và khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 45 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc hủy các quyết định sau:

Quyết định số: 4033/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường thiệt hại, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị P, địa chỉ thường trú: 126/4 ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre để thực hiện dự án Doanh trại đơn vị Cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh B của Ủy ban nhân dân thành phố B.

Quyết định số: 973/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị P, địa chỉ số E ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre của Chủ tịch

Ủy ban nhân dân thành phố B.

Quyết định số: 1369/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với bà Nguyễn Thị P của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Quyết định số: 3223/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 20/5/2025, người khởi kiện bà Nguyễn Thị P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Ngày 21/5/2024, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà: Cao Nguyễn Thúy D1, Cao Vĩnh P1 và Cao Nguyễn Trường D có đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng mức giá đền bù khi thu hồi đất và cấp suất tái định cư theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị P và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện Luật sư Nguyễn Truyền T2 trình bày: Về nội dung kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, người khởi kiện căn cứ Quyết định số 973 ở điểm b mục 2 của quyết định ghi nhận chỉ có chuồng gà chứ không có nhà trên đất là không đúng sự thật. Thực tế trong quyết định thu hồi ghi có bàn, ghế, mùng, mền, chiếu gối khẳng định họ có xây dựng nhà và sinh sống tại đó. Người dân không có điều kiện nên mới xây nhà tạm bợ để sinh sống, đất là đất trồng cây lâu năm. Những người dân xung quanh đều có xác nhận rằng xây dựng nhà ở đó để cho con đi học. Khi cưỡng chế không có xác nhận về việc đất do cha ruột bà P cho, nhà nước thu hồi hết đất tại địa phương ảnh hưởng đến chỗ ở của họ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần kháng cáo, hủy các quyết định, hỗ trợ một phần về bố trí tái định cư. Về phương án bồi thường, xác định có 3 nhân khẩu ở trên thửa đất, quyết định hỗ trợ cũng thừa nhận có 3 nhân khẩu tại đó, số tiền hỗ trợ 16 triệu đồng cho 3 người trong một năm là quá thấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Vĩnh P1 và người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Thị Thiên N1 trình bày: Đối với thửa đất bị thu hồi, gia đình bà P bị thu hồi mà không được bố trí tái định cư, họ xây nhà tạm ở tại đó nhưng không được xem xét là không đúng sự thật khách quan. Ủy ban tỉnh cần hỗ trợ một phần tiền thêm cho gia đình họ cũng là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Nguyễn Thanh H1 và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp là ông Nguyễn Văn Bé C trình bày: Ủy ban

giữ nguyên quan điểm từ trước đến nay, đối với phần kiểm kê như người khởi kiện trình bày thì thực tế tại đó chỉ có chuồng gà, về quyết định cưỡng chế còn nhiều vấn đề phát sinh tại địa phương. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bác kháng cáo của những người kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 07/2024/HC-ST ngày 06/5/2024 về việc khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long).

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Viện kiểm sát, của người khởi kiện, người bị kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về hình thức đơn kháng cáo của người khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 20/5/2025, người khởi kiện bà Nguyễn Thị P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; Ngày 21/5/2024 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Cao Nguyễn Thúy D1; Cao Vĩnh P1 và Cao Nguyễn Trường D kháng cáo bản án sơ thẩm số 07/2024/HC-ST ngày 06/5/2024 về việc khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Tại phiên tòa yêu cầu hỗ trợ thêm 100.000.000 đồng và 01 nền tái định cư.

Đối chiếu với bản án sơ thẩm đã xét xử thì thấy:

[1] Về đối tượng khởi kiện: cấp sơ thẩm xác định đúng đối tượng khởi kiện là các quyết định:

- Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt phương án bồi thường thiệt hại, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị P;
- Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị P;
- Quyết định số 3233/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND thành phố B.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 116 Luật tố tụng hành chính, cấp sơ thẩm xác định còn thời hiệu là có căn cứ.

[3] Xét tính hợp pháp và thẩm quyền ban hành các quyết định là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính thì thấy đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[4] Xét nội dung của quyết định thì thấy: Phần đất có diện tích 648,6m^2 đất (loại CLN) thuộc thửa số 201 tờ bản đồ số 55 tọa lạc tại xã P thành phố B, tỉnh Bến Tre được cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị P vào năm 2012. Ngày 25/8/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4019/QĐ-UBND về việc thu hồi 648,6m^2 đất (loại CLN) thuộc thửa số 201 tờ bản đồ số 55 tọa lạc tại xã P thành phố B, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị P đứng tên chủ sử dụng để thực hiện dự án D đơn vị cảnh sát cơ động và Quyết định số 4033/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị P theo đó tổng số tiền bà P được bồi thường hỗ trợ là 661.806.000 đồng.

Bà P không đồng ý phương án bồi thường nên đã khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định đã nêu ở trên. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P với những căn cứ sau:

Thứ nhất, Bà P bị thu hồi 648,6m^2 đất trồng cây lâu năm, thửa đất không có vị trí tiếp giáp đường và không cùng chủ sử dụng với thửa đất có vị trí tiếp giáp đường, cách đường giao thông còn lại có bề rộng từ 03m trở lên. Cho nên căn cứ vào Bàng giá đất trồng cây lâu năm của tỉnh Bến Tre có giá là 741.000 đồng/m^2 là phù hợp. Do đó không có căn cứ để hủy Quyết định này (Quyết định 4033).

Thứ hai, nội dung bà P yêu cầu được hỗ trợ 01 nền tái định cư:

Bà P bị thu hồi 100% là loại đất trồng cây lâu năm và trên đất không có nhà chỉ có 02 chuồng nuôi gà, không có hệ thống điện, nước, dịch vụ khác. Ngoài ra gia đình bà P mà cụ thể là con trai bà P anh Cao Nguyễn Trường D không có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thửa đất trên. Do đó, trường hợp hộ của bà Nguyễn Thị P không đủ điều kiện được cấp 01 nền tái định cư khi thu hồi đất. Tuy nhiên, quá trình giải tỏa, Ủy ban nhân dân thành phố B cũng đã hỗ trợ các khoản khác như: hỗ trợ chuyển đổi nghề và hỗ trợ ổn định đời sống cho gia đình bà P là có xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh kinh tế của bà gia đình bà P.

Như đã phân tích, do Quyết định 4033/ QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND thành phố B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà P là đúng với thẩm quyền, trình tự, thủ tục và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu và lần 2 (Quyết định 1369) của bà P2 có nội dung: không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà P là phù hợp.

Như vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P hủy các quyết định nói trên và hủy quyết định số 3233/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc "cưỡng chế thu hồi đất".

[5] Nhận định của Tòa án: Xét thấy, cấp sơ thẩm xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa phúc thẩm phía người khởi kiện và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đưa ra được những chứng cứ khác nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của các ông/bà: Nguyễn Thị P, Cao Nguyễn Thúy D1; Cao Vĩnh P1 và Cao Nguyễn Trường D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Do kháng cáo của các ông (bà): Nguyễn Thị P, Cao Nguyễn Thúy D1, Cao Vĩnh P1 và Cao Nguyễn Trường D không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị P và ông Cao Vĩnh P1 thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp; bà Cao Nguyễn Thúy D1 và ông Cao Nguyễn Trường D là thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ nên được miễn nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của các ông (bà): Nguyễn Thị P, Cao Nguyễn Thúy D1; Cao Vĩnh P1 và Cao Nguyễn Trường D.

1. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 07/2024/HC-ST ngày 06/5/2024 về việc khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long).

2. Án phí hành chính phúc thẩm:

Các ông (bà): Nguyễn Thị P, Cao Nguyễn Thúy D1, Cao Vĩnh P1 và Cao Nguyễn Trường D được miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 13 tháng 8 năm 2025).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VCTVKSXXPT tại TP Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1);
- THADS tỉnh Vĩnh Long (1);
- Người khởi kiện (1);
- Người bị kiện (3);
- NCQLNVLQ (3);
- Lưu hồ sơ (2), VP (6), 20b - LMA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Văn Yên